TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/DS-ST
Ngày 28-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

Bà Phạm Hồng Ân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2019/TLST-DS, ngày 20 tháng 5 năm 2019, về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 254/2019/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty C

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số A, Nguyễn Văn C, Phường A, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/4/2019 - Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lâm Thái S, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Nơi công tác: Phòng C huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Bá T, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn C, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2019 cùng các văn bản khác kèm theo, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Phạm Văn N trình bày: Theo thỏa thuận và nhu cầu mua bán dược phẩm giữa hai bên, Công ty C cung cấp cho ông Lâm Thái S các mặt hàng dược phẩm, đồng thời ông Lâm Thái S có nghĩa vụ thanh toán nợ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày xuất hóa đơn và được hưởng các chính sách bán hàng. Trong thời gian từ ngày 31/11/2015 đến ngày 27/7/2018, Công ty C đã cung cấp cho ông Lâm Thái S tổng cộng 09 đơn hàng với tổng số tiền 341.478.443 đồng, trong đó ông Lâm Thái S đã thanh toán 197.251.281 đồng, số tiền nợ còn lại là 144.227.162 đồng. Công ty C đã nhiều lần yêu cầu ông Lâm Thái S thanh toán hết số tiền nợ quá hạn. Công ty C gửi công văn yêu cầu thanh toán nợ trong các ngày 09/10/2018, ngày 07/11/2018, ngày 30/11/2018 nhưng ông Lâm Thái S vẫn chưa thanh toán hết nợ cho Công ty C, nên Công ty C yêu cầu ông Lâm Thái S trả cho Công ty C số tiền còn nợ là 144.227.162 đồng và phần lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền bằng 64.491.077 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Công ty C xác định là sau khi hòa giải tại Tòa án vào ngày 30/8/2019 thì ông Lâm Thái S đã trả cho Công ty được thêm số tiền 76.000.000 đồng nên hiện tại còn nợ 68.227.162 đồng. Vì vậy Công ty C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện buộc ông Lâm Thái S trả số tiền nợ gốc là 68.227.162 đồng. Đồng thời thanh toán số tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền theo mức lãi suất nhà nước quy định của số tiền nợ gốc kể từ ngày 26/8/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản hòa giải ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thì bị đơn ông Lâm Thái S trình bày: Ông thừa nhận có nợ tiền của Công ty C số tiền là 144.227.162 đồng. Nhưng nhân viên của Công ty C là anh Lê Bá T có đến gom tiền và ông đã trả thêm được cho Công ty C đến thời điểm hiện nay là 20.000.000 đồng còn nợ lại Công ty C số tiền 124.227.162 đồng và anh Lê Bá T có hứa ngày 10/9/2019 thanh toán tiền khuyến mãi cho ông và ông hẹn đến ngày 15/9/2019 ông sẽ thanh toán số tiền 124.227.162 đồng cho Công ty C. Còn phần tiền lãi phát sinh do Công ty D yêu cầu trả số tiền 64.491.077 đồng ông không đồng ý trả do trong quá trình hợp đồng làm ăn phía nhân viên của Công ty D không làm đúng theo quy trình.

Tại bản tự khai ngày 16/10/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Bá T trình bày: Trước đây anh là nhân viên của Công ty C, anh có nhận của ông Lâm Thái S số tiền 20.000.000 đồng và nộp lại cho Công ty C. Còn lại phần tiền khuyến mãi theo thỏa thuận mua bán giữa anh và ông Lâm Thái S là 56.000.000 đồng thì anh sẽ nộp lại cho Công ty C vào ngày 15/11/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc Công ty C khởi kiện ông Lâm Thái S trả tiền mua bán dược phẩm còn nợ và yêu cầu thanh toán số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán nên đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a

khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Đồng thời, ông Lâm Thái S và anh Lê Bá T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Lâm Thái S và anh Lê Bá T là có căn cứ.

[2] Xét về nội dung tranh chấp thì theo Công ty C xác định là có thực hiện hợp đồng mua bán dược phẩm với ông Lâm Thái S từ ngày 31/11/2015 đến ngày 27/7/2018 Công ty C đã cung cấp cho ông Lâm Thái S tổng cộng 09 đơn hàng với tổng số tiền 341.478.443 đồng, ông Lâm Thái S đã thanh toán 197.251.281 đồng, số tiền gốc còn nợ lại là 144.227.162 đồng và số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tạm tính đến ngày 20/4/2019 là 64.491.077 đồng, nên Công ty C yêu cầu ông Lâm Thái S phải trả cho Công ty C tổng số tiền là 208.718.239 đồng. Tại phiên tòa, Công ty C thay đổi một phần nội dung khởi kiện chỉ buộc ông Lâm Thái S phải trả cho Công ty C là số tiền nợ gốc là 68.227.162 đồng và chỉ yêu cầu tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền của số tiền nợ gốc kể từ ngày 26/8/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Việc thay đổi một phần nội dung khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên việc thay đổi yêu cầu này được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với ông Lâm Thái S thì cho rằng số tiền mà ông mua dược liệu của Công ty C tổng cộng theo 09 đơn hàng là 341.478.443 đồng. Số tiền này ông đã trả cho Công ty C được 197.251.281 đồng còn lại là 144.227.162 đồng và ông có trả cho Công ty thông qua anh Lê Bá T là nhân viên của Công ty đã nhận là 20.000.000 đồng, nên ông chỉ còn nợ Công ty C số tiền 124.227.162 đồng. Ngoài ra, anh Lê Bá T còn nợ ông số tiền khuyến mãi là 56.000.000 đồng, anh Lê Bá T hẹn sẽ nộp số tiền này cho Công ty C để đối trừ khoản nợ cho ông, nên ông chỉ chấp nhận trả cho Công ty C số tiền nợ gốc là 124.227.162 đồng. Riêng đối với lãi suất chậm thanh toán thì ông không chấp nhận trả theo yêu cầu của Công ty C gì do Công ty C và nhân viên của Công ty không thực hiện đúng theo thỏa thuận khi giao dịch. Đối với Công ty D cho rằng việc ông Lâm Thái S giao cho anh Lê Bá T số tiền 20.000.000 đồng để trả nợ là không có, vì anh Lê Bá T không còn là nhân viên của Công ty C từ năm 2017. Mặc khác, khi anh Lê Bá T còn là nhân viên của Công ty thì Công ty cũng không giao nhiệm vụ cho anh Lê Bá T là thu nợ của ông Lâm Thái S mà Công ty có bộ phận thu nợ riêng. Do đó, giao dịch giữa ông Lâm Thái S và anh Lê Bá T là giao dịch riêng không liên quan đến số tiền ông Lâm Thái S nợ Công ty nên không chấp nhận đối trừ.

Xét qua lời thừa nhận của các bên thì có căn cứ xác định anh Lê Bá T là nhân viên của Công ty C nhưng Công ty C xác định là anh Lê Bá T không còn là nhân viên của Công ty từ năm 2017. Trong khi văn bản đối chiếu công nợ lần sau cùng là ngày 31/3/2019 thì ông Lâm Thái S vẫn thừa nhận nợ của Công ty C số tiền là 146.227.162 đồng. Từ đó có căn cứ xác định là số tiền 20.000.000 đồng mà ông Lâm Thái S giao cho anh Lê Bá T để nộp cho Công ty C là không có. Nên chấp nhận yêu cầu của Công ty C là không đối trừ khoản tiền

20.000.000 đồng trong khoản nợ mà ông Lâm Thái S còn nợ Công ty C. Đồng thời, sau khi hòa giải tại Tòa án vào ngày 30/8/2019 thì ông Lâm Thái S đã trả được số tiền gốc là 76.000.000 đồng. Từ căn cứ trên, có cơ sở xác định số tiền gốc mà ông Lâm Thái S còn nợ Công ty C là 68.227.162 đồng, số tiền này buộc ông Lâm Thái S phải chịu trách nhiệm hoàn trả cho Công ty C là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu của Công ty C yêu cầu ông Lâm Thái S trả số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tiền của số tiền nợ gốc là 68.227.162 đồng kể từ ngày 26/8/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Theo sự thừa nhận của các bên thì trong giao dịch mua dược phẩm các bên có thỏa thuận là ông Lâm Thái S có nghĩa vụ trả tiền sau 30 ngày, kể từ ngày xuất hóa đơn, Công ty đã xuất tổng cộng 09 hóa đơn trong thời gian từ ngày 31/11/2015 đến hóa đơn sau cùng là ngày 27/7/2018 nhưng ông Lâm Thái S không thực hiện trả tiền đúng thời hạn. Do đó, ông Lâm Thái S đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên việc Công ty C yêu cầu ông Lâm Thái S trả lãi trên số tiền chậm trả là phù hợp. Đồng thời, ông Lâm Thái S mua dược phẩm chỉ để dùng trong việc điều trị bệnh cho người dân, nên đây chỉ là quan hệ hợp đồng dân sự thông thường chứ không thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại, nên không áp dụng mức lãi suất chậm trả theo Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án tòa án nhân dân tối cao mà việc áp dụng mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357, 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là có căn cứ. Lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định trên số nợ gốc là 68.227.162 đồng ương ứng với thời gian chậm trả tiền từ ngày 26/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 01 năm 03 tháng 02 ngày, mức lãi suất được áp dụng là 10%/01 năm, tương đương số tiền lãi là 8.532.033 đồng.

[4] Riêng đối với tiền khuyến mãi trong giao dịch là 56.000.000 đồng thì đây là sự thỏa thuận giữa ông Lâm Thái S và anh Lê Bá T, nên không chấp nhận để đối trừ vào khoản nợ mà ông Lâm Thái S còn nợ Công ty C. Đồng thời cùng với số tiền 20.000.000 đồng mà ông Lâm Thái S giao cho anh Lê Bá T để trả nợ cho Công ty C nhưng anh Lê Bá T không nộp, các khoản tiền này giao cho ông Lâm Thái S và anh Lê Bá T tự thỏa thuận, nếu không tự thỏa thuận được thì được quyền khởi kiện theo thủ tục chung.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Lâm Thái S phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 357, 430, 440 và điều 468 của Bộ luật dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty C.

Buộc ông Lâm Thái S trả cho Công ty C số tiền vốn gốc là 68.227.162 và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 8.532.033 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 76.759.195 đồng (Bảy mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn một trăm chín mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông Lâm Thái S phải chịu 3.838.000 đồng. Công ty C được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã dự nộp là 5.218.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019176 ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Công ty C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lâm Thái S và anh Lê Bá T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Phương